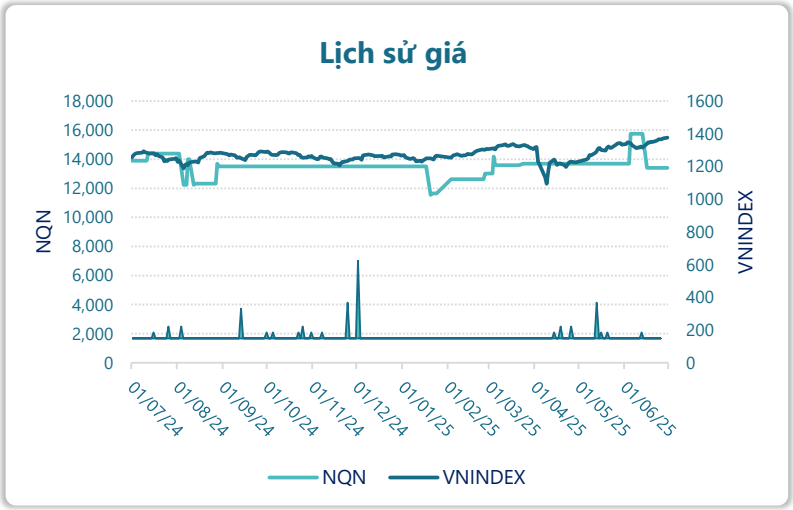
FireAnt

CTCP Nước sạch Quảng Ninh (UPCOM: NQN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,747
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,542
SL cổ phiếu LH	50,831,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	696
P/E	12.3
EPS	1,112

DT thuần

Q2/25

224

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.0| 19.7%

YoY: ▲ 16.0| 7.6%

LN sau thuế

Q2/25

17.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.60| 25.1%

YoY: ▼0.10| -0.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.2%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2025

411

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 6.8%

LN sau thuế

6T 2025

31.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.50| 1.8%

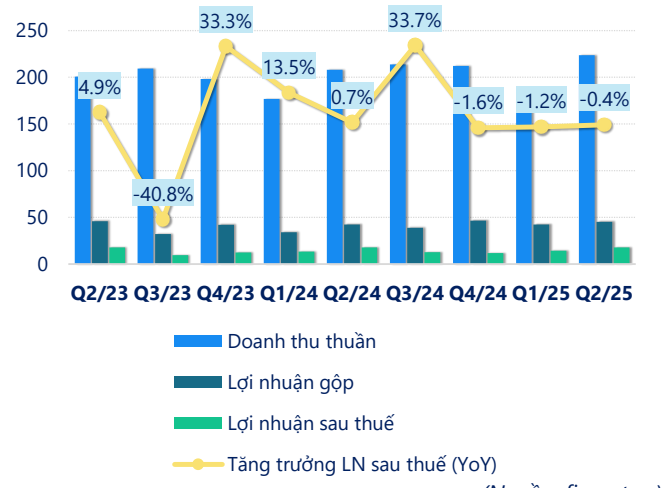
ROE

Q2/25

8.9%

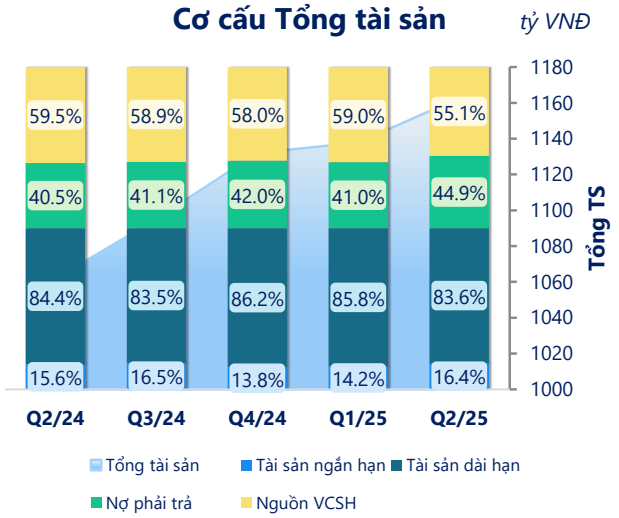
+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh



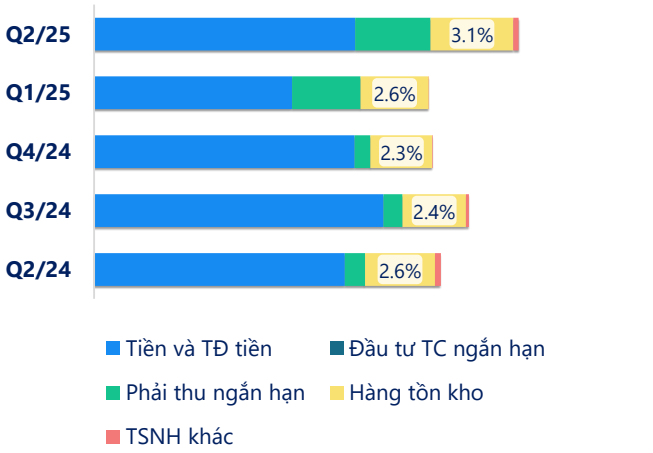
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



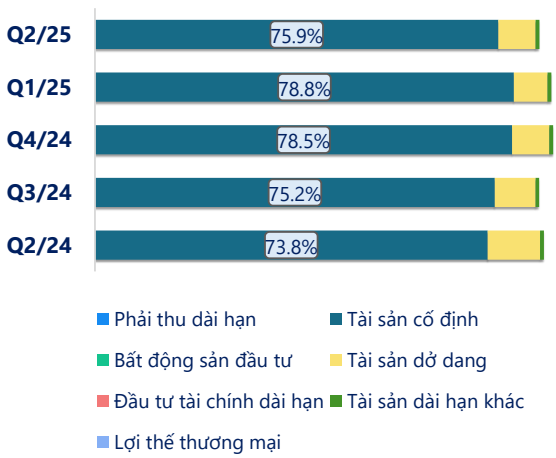
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



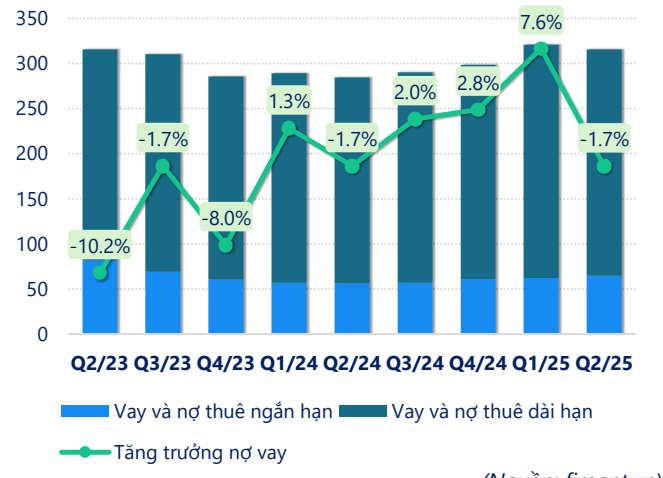
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



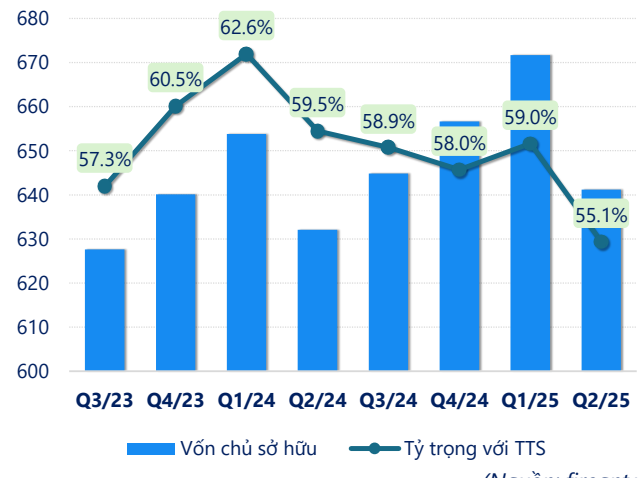
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



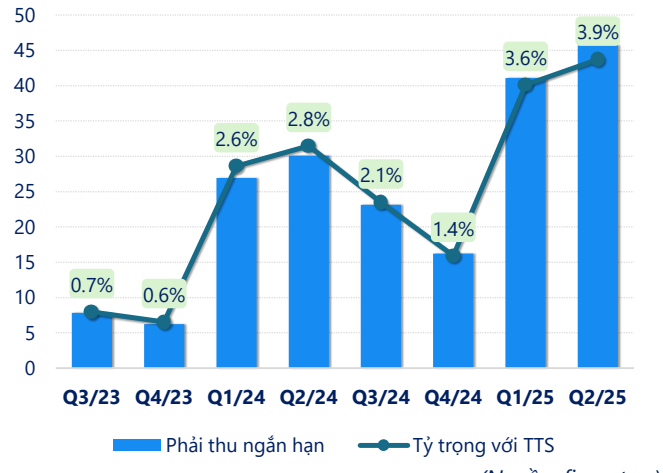
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



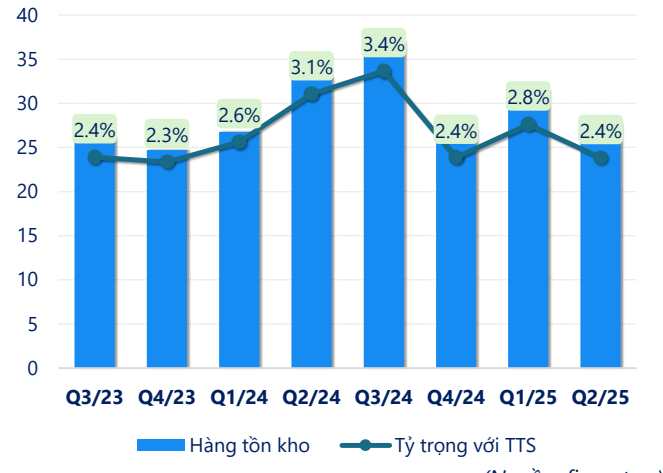
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



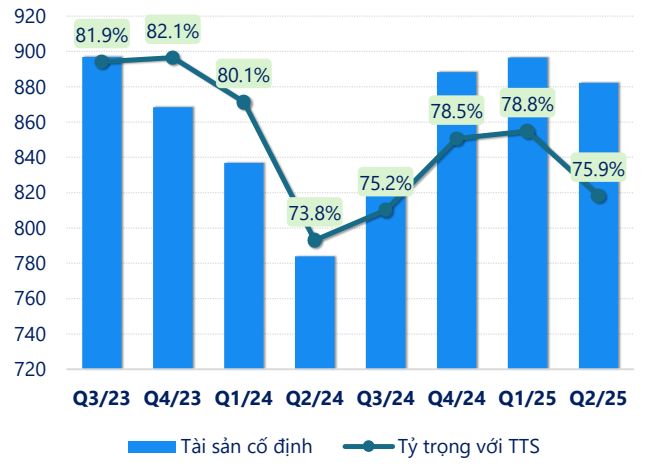
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



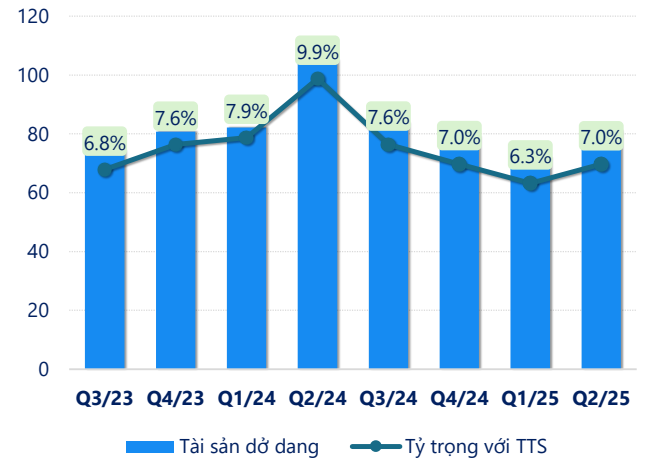
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



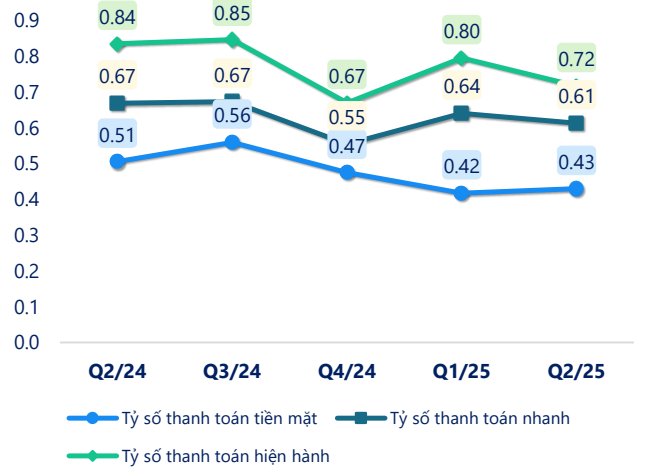
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



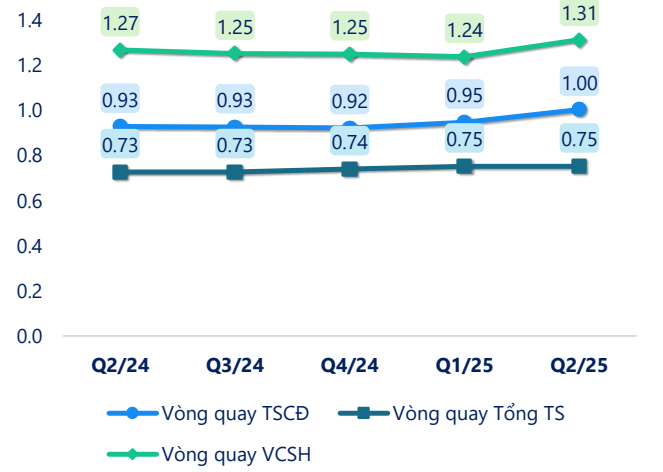
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,062**	**1,095**	**1,132**	**1,138**	**1,163**
Tài sản ngắn hạn	**165**	**180**	**157**	**161**	**191**
Tiền và tương đương tiền	100	119	111	84.7	114
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	30.1	23.1	16.2	41.1	45.7
Hàng tồn kho	33.0	36.9	27.0	31.4	27.7
Tài sản ngắn hạn khác	2.20	1.17	2.39	4.20	3.05
Tài sản dài hạn	**896**	**915**	**976**	**976**	**972**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	784	824	888	897	882
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	105	83.7	79.0	71.9	81.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.44	7.45	8.32	7.89	8.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**430**	**450**	**475**	**466**	**522**
Nợ ngắn hạn	**198**	**213**	**234**	**203**	**266**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.3	56.7	60.7	62.2	64.6
Phải trả người bán ngắn hạn	25.3	49.5	71.8	70.2	62.3
Nợ dài hạn	232	237	242	263	256
Vay và nợ thuê dài hạn	228	234	238	259	251
Nguồn vốn chủ sở hữu	**632**	**645**	**657**	**672**	**641**
Vốn chủ sở hữu	**632**	**645**	**657**	**672**	**641**
Vốn điều lệ	508	508	508	508	508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)